

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TỪ SƠN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2024

*“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TỪ SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hoàn

Các hội thẩm dân nhân: Ông Ngô Mạnh Hải

Ông Nguyễn Trần Trường

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Huy- Thư ký tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Từ Sơn tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2024/TLST-HNGĐ ngày 24/7/2024 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/9/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim N, sinh năm 1983 (vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt).

HKTT: Khu phố Đ, phường C, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Trú tại: xóm Đ, xã Đ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Anh H, sinh 1984 (có mặt).

HKTT: Khu phố Đ, phường Ch, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện cùng các lời khai tiếp theo tại tòa án, nguyên đơn là chị N trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Anh H vào tháng 01/2009, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Châu Khê. Trước khi kết hôn có được tìm hiểu, việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau đó, vợ chồng về chung sống với nhau tại gia đình nhà anh H tại khu phố Đồng Phúc, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh khoảng 4 năm thì ra ở riêng. Quá trình chung sống hòa thuận đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra cãi cọ, chị nghi ngờ anh H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2022 đến giờ. Mâu thuẫn vợ

chồng có được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Cuối năm 2023, chị đã làm đơn yêu cầu ly hôn anh H nhưng lúc đó anh H có xin lỗi và thương con nên chị đã rút đơn và Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Nhưng sau đó, vợ chồng chị cũng không chung sống được với nhau, anh H vẫn qua lại với người phụ nữ khác và chị được biết anh H đã có con riêng. Từ tháng 6/2024, chị đã về nhà bố mẹ để sống tại xóm Đồng Ao, xã Đồng Liên, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay, cắt đứt quan hệ tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh H, yêu cầu được ly hôn anh H.

Về con chung: có 02 con là Nguyễn Việt Hùng, sinh ngày 22/10/2009 và Nguyễn Ngọc Hải Dương, sinh ngày 06/4/2013 hiện đang ở với anh H. Chị N yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Ngọc Hải Dương; anh H tiếp tục nuôi cháu Hùng do cháu Hùng đang học tại Trường THPT Ngô Gia Tự; cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết. Anh H làm nghề lái xe, có thu nhập để nuôi con; còn chị đang làm nghề may tại nhà bố mẹ đẻ ở Thái Nguyên.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh H đã được Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cùng thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhưng anh H không đến tòa án làm việc cũng như không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Do vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của anh H do Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn lập ngày 09/11/2023 thì anh xác nhận lời trình bày của chị N về điều kiện, thời điểm kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn, anh và chị N chung sống với nhau tại khu phố Đồng Phúc, phường Châu Khê. Quá trình chung sống đến năm 2021 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra cãi cọ. Anh xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị N, chị N yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh H trình bày vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn từ năm 2018-2019 do con trai anh có giới tính lệch lạc, anh đề nghị chị N sinh thêm con nhưng chị N không đồng ý. Chị N đồng ý cho anh ra ngoài sinh con với người khác nên anh đã có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và đã có con riêng với người này nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị N. Sau khi chị N rút đơn ly hôn thì vợ chồng vẫn chung sống bình thường cho đến tháng 4/2024 thì anh có mắng chửi chị N do đi làm về muộn, không chăm lo cho con cái. Chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Thái Nguyên sinh sống. Anh có nhắn tin khuyên nhủ chị N về chung sống nhưng chị N không đồng ý. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý. Anh chỉ đồng ý ly hôn khi chị N đồng ý cho anh nuôi cả hai con.

Về con chung: có 02 con chung như chị N trình bày là đúng. Trường hợp phải ly hôn thì anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cả hai con. Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết. Hiện anh làm nghề lái xe tự do, thu nhập đảm bảo nuôi hai con; chị N

chỉ làm may gia công quần áo không có đủ điều kiện về kinh tế, thời gian để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: anh H không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Từ Sơn phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng theo Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của bị đơn chưa đảm bảo theo đúng quy định pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 58, Điều 147, Điều 232, Điều 235, Điều 262, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.

Cho chị N được ly hôn với anh H.

Con chung: Giao cho chị N trực tiếp nuôi cháu Hải Dương; giao cho anh H tiếp tục nuôi cháu Hùng; cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết

Tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

Về án phí: chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về tố tụng: Nguyên đơn là chị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại điều 227; điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

Chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với anh H và giải quyết về vấn đề con chung khi ly hôn. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh H có Hộ khẩu thường trú và cư trú tại phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

{2} Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Kim N và anh Nguyễn Anh H đã tuân thủ các quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau tại Khu phố Đồng Phúc, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống,

thường xảy ra cãi cọ, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và đã có con riêng. Đến tháng 10/2023, chị N đã làm đơn yêu cầu ly hôn anh H và anh H cũng đồng ý ly hôn. Sau đó, do anh H xin lỗi và thương con nên chị N đã rút đơn yêu cầu ly hôn để vợ chồng tiếp tục chung sống. Nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không hòa thuận, hạnh phúc. Tháng 6/2024, vợ chồng xảy ra cãi cọ nên chị N đã về nhà bố mẹ đẻ sống tại Thái Nguyên. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Qua đó, cho thấy có căn cứ để xác định vợ chồng chị N, anh H đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không chung sống cùng nhau, không còn quan tâm, yêu thương, tôn trọng nhau. Do vậy, cần xử cho chị N được ly hôn với anh H là phù hợp quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị N, anh H đều xác định có 02 con chung là Nguyễn Việt Hùng, sinh ngày 22/10/2009 và Nguyễn Ngọc Hải Dương, sinh ngày 06/4/2013 hiện đang ở với anh H. Chị N yêu cầu được nuôi cháu Dương; anh H tiếp tục nuôi cháu Đức; cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy: cháu Đức có nguyện vọng tiếp tục sống với anh H, anh H có công việc và chỗ ở ổn định đảm bảo việc nuôi con; cháu Dương có nguyện vọng sống với chị N, chị N hiện đang ở nhà bố mẹ đẻ và làm nghề may có thu nhập đảm bảo nuôi con nên cần giao cho anh H tiếp tục nuôi cháu Đức và giao cho chị N trực tiếp nuôi cháu Dương là phù hợp quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39, 147, 235, 227, 228, 264, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim N

Về quan hệ vợ chồng: Cho chị N được ly hôn với anh Nguyễn Anh H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Việt Hùng, sinh ngày 22/10/2009 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Ngọc Hải Dương cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: không xem xét giải quyết

Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền chị N đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003835 ngày 22/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Từ Sơn. Chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Từ Sơn;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự thành phố Từ Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND phường Châu Khê,
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Hoàn